

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

BÙI XUÂN TRUNG

**HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU
TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng
Mã số: 60.34.20**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2012

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Hòa Nhân

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ Tài chính Ngân hàng họp tại Đại học Đà Nẵng
vào ngày 19 tháng 02 năm 2012

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất khẩu là một trong những yếu tố then chốt thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của một nền kinh tế. Trong nền kinh tế thương mại toàn cầu, bất cứ quốc gia nào muốn phát triển đều phải quan tâm tới vấn đề xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ. Để hỗ trợ và thúc đẩy xuất khẩu, các nước đều xây dựng chính sách hỗ trợ xuất khẩu và chính sách tín dụng xuất khẩu là một chính sách được hầu hết các quốc gia trên thế giới quan tâm thực hiện.

Ngân hàng Phát triển Việt Nam ra đời ngày 19/5/2006 trên cơ sở tổ chức lại bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện các nguyên tắc và cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập. Ngay sau khi NHPT Việt Nam được thành lập, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2006-NĐ-CP ngày 20/12/2006 quy định về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Theo đó chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước được điều chỉnh theo nguyên tắc vừa đảm bảo lợi ích quốc gia, vừa phù hợp với các cam kết hội nhập, hoàn thiện chính sách tín dụng đầu tư và xuất khẩu. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực tế hoạt động tín dụng xuất khẩu trong từng giai đoạn chuyển đổi của NHPT Việt Nam để từ đó đưa ra một số kiến nghị về phương hướng, giải pháp nhằm phát triển tín dụng xuất khẩu là rất cần thiết.

Với tư cách là đơn vị trực thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Chi nhánh Đà Nẵng có chức năng nhiệm vụ huy động, tiếp nhận vốn của các tổ chức trong nước, nước ngoài để thực hiện các chính sách Tín dụng đầu tư phát triển và Tín dụng xuất khẩu. Với mong muốn đóng góp một phần vào

sự nghiệp phát triển của ngành ngân hàng, phát triển kinh tế xã hội của đất nước và của thành phố Đà Nẵng, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài “ *Hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng*”

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng hoạt động tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng, đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất những giải pháp, kiến nghị thực hiện để hoạt động tín dụng xuất khẩu tại Chi nhánh hiệu quả và ngày càng phát triển hơn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Toàn bộ những vấn đề lý luận có liên quan đến hoạt động tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

- Phạm vi nghiên cứu: Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng xuất khẩu của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2007 – 2010 và định hướng hoàn thiện trong thời gian đến.

4. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng tổng hợp các phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó, sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, thu thập thông tin dựa trên những số liệu, báo cáo đã được công bố và định hướng của Nhà nước, của ngành để phân tích, đánh giá toàn bộ hoạt động tín dụng xuất khẩu đang thực hiện tại Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Đề tài đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về TDXK. Từ đó phân tích đánh giá thực trạng hoạt động TDXK tại NHPT Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2007 -2010. Trên cơ sở những

hạn chế và nguyên nhân, đề tài đã đưa ra những giải pháp, kiến nghị để hoàn thiện hoạt động TDXK trong thời gian đến.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về hoạt động tín dụng xuất khẩu

Chương 2: Thực trạng hoạt động tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2007-2010

Chương 3: Hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015.

CHƯƠNG 1 - NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU

1.1. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI VÀ VAI TRÒ CỦA TDXK

1.1.1. Khái niệm tín dụng xuất khẩu

Tín dụng có thể được hiểu như là một giao dịch giữa hai bên trong đó một bên (trái chủ hoặc người cho vay) chu cấp tiền, hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng khoán dựa vào lời hứa thanh toán lại của bên kia (thụ trái hoặc người đi vay) trong tương lai.

Tín dụng Nhà nước là quan hệ tín dụng mà trong đó Nhà nước là người đi vay để đảm bảo các khoản chi tiêu của Ngân sách Nhà nước, đồng thời là người cho vay để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý kinh tế - xã hội và phát triển quan hệ đối ngoại. Tín dụng Nhà nước gồm có: tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, tín dụng hỗ trợ người nghèo ...

Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước về bản chất cũng là tín dụng Nhà nước, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu theo chính sách khuyến khích xuất khẩu

của Nhà nước nhằm mục tiêu tăng khả năng cạnh tranh hàng hóa nội địa trên thị trường thế giới.

Theo định nghĩa của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), TDXK của Nhà nước là tài trợ chính thức của Chính phủ hoặc của cơ quan thay mặt Chính phủ cho việc xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ theo chính sách khuyến khích XK của Nhà nước.

1.1.2. Phân loại tín dụng xuất khẩu

1.1.2.1. Phân theo thời hạn cho vay

a) Tín dụng xuất khẩu ngắn hạn

Là các khoản cho vay xuất khẩu có thời hạn dưới 01 năm.

b) Tín dụng xuất khẩu trung và dài hạn

Là các khoản tín dụng có thời hạn dài hơn 1 năm.

1.1.2.2. Phân theo đối tượng được cấp tín dụng

a) Tín dụng xuất khẩu

Là khoản tín dụng người xuất khẩu cấp cho người nhập khẩu (còn được coi là tín dụng thương mại) hoặc khoản cho vay trung và dài hạn, dùng để tài trợ cho các dự án và cung cấp vốn cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa.

b) Tín dụng nhập khẩu

Là khoản tín dụng mà người nhập khẩu cấp cho nhà xuất khẩu nước ngoài để nhập khẩu hàng hóa.

1.1.2.3. Phân theo chủ thể cấp tín dụng

a) Tín dụng ngân hàng

Là tín dụng do các ngân hàng và các tổ chức tín dụng cung cấp.

b) Tín dụng Chính phủ

Là loại tín dụng do các Chính phủ cung cấp. Nguồn vốn lấy từ ngân sách của Chính phủ

1.1.3. Vai trò của tín dụng xuất khẩu

1.1.3.1. Thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cả nước

Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu tiếp cận được nguồn vốn sản xuất với ưu đãi về chi phí sử dụng vốn, thời hạn vay, tài sản bảo đảm thấp...

1.1.3.2. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển

Khi phát triển ngành dệt may XK tạo cơ hội cho phát triển các ngành xuất khẩu nguyên liệu như bông hay thuốc nhuộm. Sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu kéo theo sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất thiết bị chế biến.

1.1.3.3. Tạo nguồn vốn ngoại tệ cho nền kinh tế

Nguồn vốn ngoại tệ chủ yếu từ các nguồn: xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, vay vốn, viện trợ, thu từ hoạt động du lịch, các dịch vụ có thu ngoại tệ, xuất khẩu lao động ...

1.1.3.4. Góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động

1.2. ĐẶC TRƯNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC

1.2.1. Tín dụng xuất khẩu không vì mục đích lợi nhuận

Chính phủ sử dụng công cụ tín dụng xuất khẩu nhằm tài trợ cho hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp ngoài mục đích khuyến khích xuất khẩu còn đặt vấn đề giải quyết công ăn việc làm cho hàng trăm nghìn lao động, tạo cuộc sống ổn định, an sinh xã hội được đảm bảo tạo tiền đề cho một sự phát triển bền vững.

1.2.2. Đối tượng được chọn lọc và hạn chế

Đối tượng cho vay TDXK của Nhà nước hạn chế hơn các NHTM, các đối tượng có thể thay đổi trong từng thời kỳ tùy thuộc vào chiến lược xuất khẩu.

1.2.3. Cơ chế cho vay vốn ưu đãi hơn hình thức cho vay thông thường

1.2.3.1. Ưu đãi về lãi suất

Nhà nước sẽ cấp bù chênh lệch lãi suất (cho vay thấp hơn lãi suất huy động) hoặc tự huy động được từ những nguồn có lãi suất thấp hơn lãi suất của thị trường (lãi suất của Ngân hàng thương mại).

1.2.3.2. Ưu đãi về thời hạn vay vốn

Tín dụng ưu đãi của Nhà nước sẵn sàng chấp nhận rủi ro ở mức nhất định và tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoàn trả nợ theo đúng chu kỳ sinh lợi của dự án, kỳ thu tiền của hợp đồng xuất khẩu.

1.2.3.3. Ưu đãi về đảm bảo tiền vay

Tín dụng ưu đãi của Nhà nước có cơ chế riêng về đảm bảo tiền vay với một mức tài sản bảo đảm tối thiểu hoặc không phải có tài sản bảo đảm khi vay vốn.

1.3. CÁC TIÊU CHÍ PHẢN ẢNH HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU

1.3.1. Tăng trưởng kim ngạch XK của các mặt hàng được vay vốn TDXK

1.3.2. Dư nợ tín dụng xuất khẩu bình quân

1.3.3. Số lượng khách hàng vay vốn

1.3.4. Giá trị bình quân của các khoản vay

1.3.5. Thu lãi cho vay

1.3.6. Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu

1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA NHÀ NƯỚC

1.4.1. Chính sách xuất khẩu và tín dụng xuất khẩu

Đây là những nhân tố mang tính vĩ mô điều chỉnh trực tiếp tới khả năng mở rộng hay thu hẹp hoạt động tín dụng xuất khẩu. Sự

thay đổi trong chiến lược xuất khẩu sẽ làm thay đổi chính sách TDXK.

1.4.2. Đặc điểm kinh tế - chính trị - xã hội và nguồn lực xuất khẩu

Nếu tình hình kinh tế phát triển, chính trị - xã hội ổn định và nguồn lực xuất khẩu của địa phương dồi dào thì có khả năng mở rộng hoạt động TDXK và ngược lại

1.4.3. Nhu cầu vay vốn của khách hàng

Đây là một nhân tố tác động dễ nhận thấy vì bất cứ ngân hàng nào muốn mở rộng cho vay cũng đều phụ thuộc vào nhu cầu vay vốn của khách hàng.

1.4.4. Tình hình tài chính của khách hàng và hiệu quả của phương án vay vốn

Nếu phương án không hiệu quả, tình hình tài chính không lành mạnh thì không thể quyết định cho vay, tức là không muốn mở rộng đối với khách hàng đó. Nhưng NHPT có thể xem xét quyết định cho vay đối với những đơn vị có tình hình tài chính có những chỉ tiêu không đảm bảo nhưng có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả.

1.4.5. Năng lực của Ngân hàng cho vay TDXK của Nhà nước

- Cơ sở vật chất, nguồn vốn
- Khả năng đáp ứng các loại hình TDXK của Nhà nước
- Mạng lưới thông tin

1.4.6. Các nhân tố khác: hồ sơ, thủ tục và điều kiện vay vốn

1.5. CÁC QUY TẮC QUỐC TẾ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU

1.5.1. Hiệp định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (ASCM)

1.5.1.1. Định nghĩa về trợ cấp

Một trợ cấp được cho là có thật nếu nó đóng góp về mặt tài chính của Chính phủ hay bất cứ cơ quan Nhà nước nào như chuyển giao vốn trực tiếp, chuyển giao vốn hoặc nghĩa vụ nợ trực tiếp, trợ cấp qua thuế, cung cấp các hàng hoá hoặc dịch vụ.

1.5.1.2. Phân loại trợ cấp

Những loại trợ cấp bị cấm;

Những trợ cấp có thể bị kiện và trợ cấp không bị kiện

1.5.2. Cơ chế của OECD về tín dụng xuất khẩu được hỗ trợ chính thức và liên minh Berne

1.5.2.1. Hiệp định về tín dụng xuất khẩu của OECD

Hiệp định này được áp dụng vào tháng 4/1978. Các thành viên chính thức tham gia hiệp định này là Úc, Canada, Cộng đồng Châu Âu, các Chính phủ thành viên Nhật Bản, Hàn Quốc, Newzeland, Naui, Thụy Sĩ và Mỹ.

Mục đích chủ yếu của Hiệp định là cung cấp một khung cho việc tài trợ tín dụng xuất khẩu.

1.5.2.2. Liên minh Berne (Liên minh quốc tế của các nhà bảo hiểm tín dụng và đầu tư)

Liên minh Berne được thành lập từ năm 1934 với 90 thành viên. Một trong những mục đích chính của liên minh là đạt được sự chấp thuận của thế giới về những quy tắc đúng đắn của bảo hiểm xuất khẩu và sự thiết lập duy trì các quy tắc trong tín dụng thương mại quốc tế.

1.6. HỆ THỐNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Để khuyến khích các hoạt động xuất khẩu, Chính phủ của nhiều nước đã thành lập các cơ quan TDXK (Export Credit Agencies - ECAs) nhằm tạo ra một công cụ giảm bớt các rủi ro, đặc

biệt là rủi ro thanh toán hay rủi ro trả nợ. Qua đó, Chính phủ sẽ tạo động lực thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện HĐXK, các ngân hàng tham gia cho vay doanh nghiệp để thực hiện các HĐXK.

1.6.1. Hàn Quốc

1.6.1.1. Ngân hàng xuất nhập khẩu Hàn Quốc (KEXIMBANK)

KEXIMBANK là một tổ chức tài chính nhà nước đặc biệt, do nhà nước sở hữu 100% vốn. Trong đó, vốn góp của Chính phủ là 59,9%, của Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc là 35,5%, của Ngân hàng phát triển Hàn Quốc là 4,6%. KEXIMBANK hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Nhà nước bù lỗ. Hoạt động của KEXIMBANK theo nguyên tắc không cạnh tranh với các NHTM.

1.6.1.2. Công ty bảo hiểm xuất khẩu Hàn Quốc

Công ty bảo hiểm xuất khẩu Hàn Quốc (KEIC - Korea Export Insurance Corporation) là doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, được thành lập năm 1992 và tiếp quản nghiệp vụ bảo hiểm TDXK của KEXIMBANK. Hiện nay, KEIC có các hình các hình thức bảo hiểm TDXK ngắn hạn và Bảo hiểm TDXK nông thủy sản

1.6.2. Trung Quốc

1.6.2.1. Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc

EXIMBANK Trung Quốc là cơ quan chính sách trực thuộc Quốc vụ viện, được thành lập và hoạt động từ năm 1994.

Nhiệm vụ chủ yếu của ngân hàng này là quán triệt chấp hành chính sách mậu dịch đối ngoại và chính sách tiền tệ của nhà nước, thực hiện sự trợ giúp về tiền tệ để thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm cơ điện, thiết bị đồng bộ, các sản phẩm kỹ thuật cao và thúc đẩy sự hợp tác kinh tế - kỹ thuật giữa Trung Quốc với bên ngoài.

1.6.2.2. Công ty bảo hiểm TDXK Trung Quốc (SINOSURE)

Vào năm 2002, Công ty Bảo hiểm TDXK Trung Quốc chính

thức bắt đầu hoạt động và tiếp nhận hoạt động bảo hiểm TDXK từ EXIMBANK Trung Quốc. Từ đây, SINOSURE là cơ quan Chính phủ duy nhất ở Trung Quốc thực hiện chức năng bảo hiểm TDXK.

1.6.3. Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ

USEXIMBANK cung cấp các dịch vụ như: bảo lãnh cho các khoản vay vốn lưu động của các nhà xuất khẩu; bảo đảm việc hoàn trả các khoản vay hoặc cho các nhà nhập khẩu nước ngoài vay vốn để mua hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ; cung cấp các khoản tín dụng cho các nhà nhập khẩu nước ngoài khi các NHTM không chấp nhận cung cấp các dịch vụ đó.

1.6.4. Đánh giá và nhận xét chung về hoạt động TDXK của Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc và rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

- **Một là:** Các nước đều coi trọng chính sách hỗ trợ cho xuất khẩu, trong đó công cụ TDXK được sử dụng như một biện pháp quan trọng trong tay Chính phủ để thúc đẩy xuất khẩu phát triển lâu dài và bền vững..

- **Hai là,** hoạt động TDXK bao gồm 3 hình thức chính sau:
+ Hỗ trợ tài chính chính thức
+ Bảo lãnh xuất khẩu (bao gồm cả bảo lãnh TDXK, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng).
+ Bảo hiểm TDXK

- **Ba là,** các nước đều đã thực hiện nghiệp vụ bảo hiểm TDXK và đều coi trọng vai trò to lớn của nghiệp vụ này.

- **Bốn là,** Trong thời gian gần đây, chính sách TDXK đang chuyển biến nhanh theo xu hướng chuyển từ việc tập trung tài trợ cho người cung cấp trong nước sang tập trung hỗ trợ cho mục tiêu chiếm lĩnh thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

**CHƯƠNG 2 - THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT
KHẨU TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI
NHÁNH ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2007-2010**

2.1. GIỚI THIỆU VỀ NHPT VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1.1. Khái quát Ngân hàng Phát triển Việt Nam

2.1.1.1. Sơ lược sự hình thành và phát triển

Tiền thân của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là Quỹ Hỗ trợ phát triển. Quỹ Hỗ trợ phát triển được thành lập theo Nghị định 50/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 và Quyết định 231/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ 01/01/2000.

Ngày 19/5/2006, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 108/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Quỹ Hỗ trợ phát triển để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển và TDXK của Nhà nước.

2.1.1.2. Khái niệm và đặc trưng của NHPT Việt Nam

a) Khái niệm

Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Phát triển) là một tổ chức tín dụng mà hoạt động chủ yếu nhằm tài trợ có hiệu quả cho các chương trình phát triển kinh tế do Chính phủ hoạch định

b) Đặc trưng

- Là một tổ chức tín dụng do Nhà nước thành lập và 100% vốn Nhà nước, hoạt động của Ngân hàng đòi hỏi phải có sự hỗ trợ từ Chính phủ và đặt dưới sự kiểm soát của Chính phủ, được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán đối với hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, TDXK của Nhà nước, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện chính sách tín dụng ĐTPT thông qua việc cho vay đầu tư phát triển, hỗ trợ sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư; thực hiện chính sách TDXK thông qua việc cho vay xuất khẩu, bảo lãnh TDXK, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện HĐXK.

- Vốn điều lệ là 10.000 tỷ đồng.

2.1.1.4. Nguồn vốn hoạt động của NHPT Việt Nam

a) Vốn Ngân sách Nhà nước

Vốn điều lệ; Vốn Ngân sách Nhà nước cấp hàng năm; Vốn ODA được Chính phủ giao để cho vay lại.

b) Vốn huy động

- Phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Ngân hàng phát triển Việt Nam và kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi theo quy định của pháp luật.

- Vay của Công ty Dịch vụ tiết kiệm bưu điện, Bảo hiểm xã hội và các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước...

2.1.2. Giới thiệu về Chi nhánh NHPT Đà Nẵng

Chi nhánh Đà Nẵng có trụ sở đặt tại 74 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, giữ vai trò quan trọng trong việc huy động, tiếp nhận các nguồn vốn trên địa bàn thành phố để thực hiện chính sách Tín dụng đầu tư phát triển và Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU
TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH
ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2007 - 2010**

2.2.1. Cơ sở pháp lý thực hiện nghiệp vụ tín dụng xuất khẩu

Nghị định 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và Tín dụng xuất khẩu. Trên cơ sở các quy định của Nghị định 151/2006/NĐ-CP về TDXK, Thông tư 69/2007/TT-

BTC hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn một số điều của Nghị định. Quyết định số 39/QĐ-HĐQL về việc ban hành Quy chế quản lý vốn TDXK của Nhà nước.

2.2.1.1. Cho vay xuất khẩu

a) Hình thức cho vay

- Cho vay nhà xuất khẩu: bao gồm cả cho vay trước khi giao hàng và cho vay sau khi giao hàng.

- Cho nhà nhập khẩu vay

b) Đối tượng vay vốn

Nhà xuất khẩu có hợp đồng xuất khẩu và nhà nhập khẩu có hợp đồng nhập khẩu hàng hoá thuộc Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK được ban hành kèm theo Nghị định 151/2006/NĐ-CP.

d) Mức vốn cho vay

Mức cho vay tối đa bằng 85% giá trị HĐXK đã ký hoặc giá trị L/C đối với cho vay trước khi giao hàng hoặc trị giá hối phiếu hợp lệ đối với cho vay sau khi giao hàng.

2.2.1.2. Bảo lãnh tín dụng xuất khẩu

- Mức bảo lãnh cho nhà xuất khẩu vay vốn tối đa 85% giá trị hợp đồng xuất khẩu hoặc giá trị L/C.

- Nhà xuất khẩu được bảo lãnh phải trả phí bảo lãnh bằng 1%/năm trên số dư tín dụng được bảo lãnh.

2.2.1.3. Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng

a) Đối tượng

Nhà xuất khẩu tham gia dự thầu hoặc thực hiện hợp đồng xuất khẩu hàng hoá thuộc Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK.

b) Điều kiện bảo lãnh

- Thuộc đối tượng theo quy định, có nhu cầu bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu...

2.2.1.4. Kết quả một số hoạt động nghiệp vụ chính của NHPT Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

a) Hoạt động huy động vốn

Ngoài nguồn vốn Ngân sách cấp theo kế hoạch hàng năm để thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư phát triển, cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư... Chi nhánh Đà Nẵng còn phải thực hiện nhiệm vụ huy động vốn trên địa bàn để cho vay ngắn hạn xuất khẩu. Đây là nguồn vốn chính để cho vay tín dụng XK theo quy định. Đối tượng huy động vốn theo quy định chỉ là các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp...không được phép huy động từ cá nhân.

b) Hoạt động tín dụng:

Tỷ lệ nợ quá hạn trong cho vay đầu tư phát triển năm 2009 giảm nhiều so với các năm 2007, 2008 là do xử lý nợ quá hạn của chương trình đánh cá xa bờ. Năm 2010 nợ quá hạn có tăng lên 24,89% so với năm 2009 là do nợ quá hạn của các dự án: Dây chuyền thiết bị xe ca, xe buýt của Công ty Cơ khí ô tô và thiết bị điện là 26.809 triệu đồng; Dự án nhà máy dây và cáp điện Tân Cường Thành là 5.679 triệu đồng; dự án sản xuất động cơ khung xe và phụ tùng xe máy là 5.474 triệu đồng; Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu là 6.510 triệu đồng và Nhà máy đóng tàu Đà Nẵng là 1.332 triệu đồng

2.2.2. Thủ tục và quy trình cho vay

Thực hiện theo Quyết định số 39/QĐ-HĐQL ngày 31/8/2007 của Hội đồng quản lý NHPT Việt Nam về việc Ban hành Quy chế quản lý vốn TDXK của Nhà nước và Quyết định số 105/QĐ-NHPT ngày 04/3/2008 của Tổng giám đốc về việc ban hành sổ tay TDXK trong hệ thống Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2.2.3. Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng xuất khẩu tại NHPT Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

2.2.3.1. Thực trạng cho vay tín dụng xuất khẩu năm 2007-2010

Chi tính riêng trong 4 năm qua, Chi nhánh đã ký 260 Hợp đồng tín dụng xuất khẩu, doanh số cho vay ngắn hạn HTXK đạt 1.265.142 triệu đồng, thu nợ 1.215.780, thu lãi 27.695 triệu đồng, dư nợ đến 31/12/2010 là 78.147 triệu đồng, tăng 185,82% so với năm 2009, không có lãi quá hạn. Trong đó dư nợ của Công ty CP XNK Thủy sản Thọ Quang 24.290 triệu đồng, Công ty CP Thủy sản và thương mại Thuận Phước 20.000 triệu đồng, Trung tâm kinh doanh XNK Đà Nẵng 11.077 triệu đồng, Công ty TNHH Hải Vân 11.316 triệu đồng, Công ty CP Thủy sản Nhật Hoàng 8.000 triệu đồng.

2.2.3.2. Thực trạng cho vay theo mặt hàng TDXK năm 2007-2010

Trong tất cả các đơn vị vay vốn tại Chi nhánh Đà Nẵng qua các năm, các doanh nghiệp nông lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng lớn trong dư nợ cho vay.

Nhìn chung, hầu hết các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu trên địa bàn thành phố đều được vay vốn tại Chi nhánh Đà Nẵng như thủy sản, cà phê, đồ thủ công mỹ nghệ, sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu, rau quả. Mặt hàng nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong tổng dư nợ cho vay của Chi nhánh.

2.2.3.3. Thực trạng cho vay theo thị trường XK năm 2007-2010

Trong các doanh nghiệp vay vốn XK tại Chi nhánh, thị trường chủ yếu của mặt hàng thủy sản, cà phê là Mỹ, Đức, Ba Lan, Thụy Sĩ ... các mặt hàng thủ công mỹ nghệ chủ yếu xuất sang thị trường Nhật Bản, Đức... Nhìn chung các thị trường trên độ an toàn cao, hệ thống thanh toán quốc tế đảm bảo.

2.2.3.4. Thực trạng cho vay TDXK theo loại hình doanh nghiệp

Trong các đơn vị vay vốn tín dụng xuất khẩu tại Chi nhánh trong 4 năm qua, doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ trọng phần lớn trong cơ cấu vay vốn.

2.2.3.5. Quy mô cho vay tín dụng xuất khẩu

Số lượng món vay, khách hàng và giá trị bình quân của các món vay tăng lên qua các năm. Riêng năm 2009, giá trị bình quân món vay giảm 1.330 triệu đồng so với 2008 do có một số đơn vị đã tiếp xúc nhưng hiện tại chưa đủ điều kiện vay vốn.

2.2.3.6. Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu TDXK

Năm 2007, 2008 không phát sinh nợ xấu và lãi quá hạn. Năm 2009, đã phát sinh nợ xấu 11.092 triệu đồng, với tỷ lệ là 26,37% trên dư nợ vay, tỷ lệ này tương đối cao hoàn toàn là nợ quá hạn của Trung tâm kinh doanh XNK Đà Nẵng.

Năm 2010, nợ xấu là 21.393 triệu đồng, chiếm 27,37% dư nợ vay là do phát sinh thêm nợ quá hạn của Công ty TNHH Hải Vân là 10.316 triệu đồng và nợ cũ của Trung tâm KD XNK Đà Nẵng.

2.3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU TẠI NHPT VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2007-2010

2.3.1. Những mặt đã làm được

Thứ nhất: Thực hiện có hiệu quả chính sách TDXK trong thời gian qua.

Thứ hai: Việc cho vay của Chi nhánh là phù hợp với chủ trương của Chính phủ, ngành về khuyến khích XK trong từng thời kỳ

Thứ ba: Từng bước tháo gỡ cho doanh nghiệp về TSĐB. Mức đảm bảo tài sản tối thiểu chỉ 15% so với dư nợ vay tại từng thời điểm.

Thứ tư: Triển khai được hình thức cho vay theo hạn mức

Thứ năm: Nâng cao vị thế của NHPT trong hệ thống các tổ chức tài chính, tín dụng trên địa bàn.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Hạn chế

Thứ nhất: Số lượng đơn vị được tiếp cận và hưởng ưu đãi từ chính sách TDXK còn ít so với tổng đơn vị XK trên địa bàn.

Thứ hai: Các đơn vị vay vốn có lượng hàng xuất đủ điều kiện vay vốn còn ít, không thường xuyên nên thực hiện cho vay chủ yếu theo phương thức từng lần.

Thứ ba: Các hình thức tín dụng xuất khẩu còn đơn điệu, Chi nhánh chủ yếu cho vay xuất khẩu trước khi giao hàng.

Thứ tư: So với kim ngạch xuất khẩu theo mặt hàng của thành phố, dư nợ cho vay trên còn thấp, chiếm tỷ trọng quá nhỏ, chưa khai thác được hết tiềm năng các khách hàng vay vốn XK trên địa bàn.

2.3.2.2. Nguyên nhân

Thứ nhất: Công tác khai thác và cung cấp thông tin của Chi nhánh còn yếu, thiếu. Mặt khác, nguồn vốn để sử dụng cho vay TDXK tại nhiều thời điểm không đủ đáp ứng nhu cầu của các DN

Thứ hai: NHPT chưa thực hiện được thanh toán quốc tế

Thứ ba: Danh mục mặt hàng vay vốn TDXK ban hành kèm theo Nghị định 151/2006/NĐ-CP còn chưa phù hợp với chiến lược phát triển xuất khẩu giai đoạn 2006-2010 và chưa phù hợp với địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Thứ tư: Lãi suất cho vay thấp so với các NHTM khiến cho một số doanh nghiệp xuất khẩu cố tình chiếm dụng vốn.

Thứ năm: Chi nhánh chưa kiểm tra, theo dõi sát sao tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn thu của đơn vị để đảm bảo thu hồi nợ đầy đủ, kịp thời.

CHƯƠNG 3 – GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XUẤT KHẨU TẠI NHPT VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2011-2015

3.1. ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI ĐỂ HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TDXK TẠI NHPT VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.1.1. Những thay đổi tích cực về chính sách TDXK của Nhà nước

3.1.2. Định hướng phát triển xuất khẩu của thành phố Đà Nẵng

3.1.2.1. Những lợi thế để phát triển xuất khẩu

3.1.2.2. Định hướng, mục tiêu phát triển xuất khẩu hàng hoá của thành phố Đà Nẵng

a) Quan điểm

- Phát triển xuất khẩu tương xứng với tiềm năng và khai thác tối đa lợi thế so sánh của các vùng trong toàn thành phố.

- Phát triển xuất khẩu phải gắn với phát triển sản xuất theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế xã hội của thành phố đạt được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh

b) Định hướng cơ cấu mặt hàng, dịch vụ xuất khẩu

Thủy sản, cà phê, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm may mặc, đồ chơi trẻ em, giày da, thực phẩm, thiết bị điện, điện tử.

3.1.2.3. Các chính sách ưu đãi của thành phố Đà Nẵng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn

3.1.3. Định hướng hoàn thiện hoạt động tín dụng xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Một là: Phải phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành và các cam kết quốc tế.

Hai là: Đối tượng được hưởng TDXK cần phải được rà soát chặt chẽ, tránh bao cấp tràn lan

Ba là: Đa dạng hoá các hình thức tín dụng xuất khẩu

Bốn là: Lãi suất cho vay xuất khẩu phải hướng tới thị trường, tránh bao cấp về vốn, chủ yếu hỗ trợ về các điều kiện, thủ tục vay cho doanh nghiệp.

Năm là: Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ và dịch vụ ngân hàng hiện đại vào hoạt động TDXK, tăng cường kiểm soát tín dụng và rủi ro tín dụng.

Sáu là: Tăng cường quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế

3.1.4. Lộ trình thực hiện việc hoàn thiện hoạt động TDXK của NHPT Việt Nam

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TDXK TẠI NHPT VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

3.2.1. Quảng bá thương hiệu, vị thế và vai trò của NHPT – Chi nhánh Đà Nẵng

Thời gian qua, hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu tự tìm đến NHPT – Chi nhánh Đà Nẵng do tính hấp dẫn của lãi suất.

Yêu cầu cơ bản của công tác quảng bá là giúp cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn hiểu biết đầy đủ về:

- Các chính sách TDXK của Nhà nước.
- Các hình thức TDXK mà NHPT đang cung cấp, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp cận với nguồn vốn TDXK.
- Những lợi ích mà chính sách TDXK mang lại.

3.2.2. Nâng cao hiệu quả tư vấn cho các doanh nghiệp trên địa bàn

Tư vấn là một dịch vụ mà các khách hàng mong đợi khi tiếp cận vay vốn TDXK tại NHPT. Trong thực tế, không phải doanh

nghiệp nào xuất khẩu cũng có đầy đủ năng lực, kiến thức về nghiệp vụ ngoại thương, sự hiểu biết về luật lệ, điều ước quốc tế...

3.2.3. Tăng cường công tác huy động vốn

Theo chủ trương của NHPT Việt Nam, để ổn định nguồn vốn và đáp ứng nhu cầu vốn cho vay TDXK của các đơn vị trên địa bàn, Chi nhánh Đà Nẵng cần đặt công tác huy động vốn, tăng cường quản lý và điều hành nguồn vốn một cách chủ động tránh tình trạng chỉ trông chờ vào nguồn vốn của Trung ương.

3.2.4. Nâng cao chất lượng thẩm định

Công tác thẩm định là một nhân tố quan trọng quyết định đến khả năng thu hồi nợ vay của tổ chức tín dụng.

Với đặc thù thời hạn cho vay ngắn hạn, chất lượng thẩm định được thể hiện ngay bằng chất lượng tín dụng thông qua khả năng trả nợ của khách hàng.

3.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát

Chi nhánh cần kiểm tra, theo dõi sát sao tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn thu của đơn vị để đảm bảo thu hồi nợ đầy đủ, kịp thời.

3.2.6 Chuẩn hóa các quy định nghiệp vụ phù hợp với Nghị định của Chính phủ về TDXK

3.2.7. Triển khai nghiệp vụ thanh toán quốc tế

Hệ thống thanh toán quốc tế phải đảm bảo thực hiện được các giao dịch:

- Thanh toán, chuyển trả tiền từ nước ngoài cho các HĐXK.
- Thực hiện giao dịch mở, thanh toán L/C.
- Chiết khấu bộ chứng từ, nhờ thu.

3.2.8. Triển khai các hình thức tín dụng xuất khẩu mới

Để thúc đẩy xuất khẩu, tiếp tục đẩy mạnh cho vay nhà xuất khẩu trước khi giao hàng tại Chi nhánh đồng thời đẩy mạnh hình thức cho vay sau khi giao hàng. Bên cạnh đó, phải phát huy lợi thế của một tổ chức trong hệ thống ngân hàng để có thể phối hợp chặt chẽ với các NHTM trong triển khai thực hiện các nghiệp vụ mới.

3.2.8.1. Triển khai nghiệp vụ cho vay nhà nhập khẩu

- Cho vay trực tiếp nhà nhập khẩu
- Cho vay gián tiếp (cho vay lại) đến nhà nhập khẩu:

3.2.8.2. Triển khai nghiệp vụ bảo lãnh TDXK, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu

3.2.8.3. Triển khai nghiệp vụ bảo hiểm tín dụng xuất khẩu

Các loại hình bảo hiểm TDXK đối với nhà xuất khẩu và đối với nhà nhập khẩu gắn rất chặt với hoạt động cho vay nhà xuất khẩu và cho vay nhà nhập khẩu. Do vậy, bảo hiểm TDXK được coi như một hình thức hỗ trợ cho hoạt động cho vay xuất khẩu.

3.2.9. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

- Tuyển dụng đầu vào có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, vi tính và các nghiệp vụ ngoại thương và ưu tiên đối với những cán bộ có kinh nghiệm thực tế.

3.3. NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

3.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng Phát triển Việt Nam

3.3.1.1. Bổ sung đối tượng được hưởng chính sách tín dụng xuất khẩu và chuẩn hoá các điều kiện được cung cấp tín dụng xuất khẩu.

Mở rộng thêm đối tượng cho vay TDXK ngắn hạn như: sản phẩm dệt may, gia giày, đồ chơi trẻ em, sản xuất lốp xe, ván dăm, sản phẩm đá xuất khẩu.

3.3.1.2. Bổ sung một số hoạt động nhằm từng bước chuẩn hoá công tác TDXK của NHPT

- Hoàn thiện hệ thống chấm điểm và xếp hạng khách hàng theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế.
- Thiết lập hệ thống quản trị thông tin tín dụng đầy đủ kịp thời và chính xác.

3.3.1.3. Từng bước triển khai và chuẩn hoá các nghiệp vụ tạo hành lang pháp lý cho các Chi nhánh trong việc hoàn thiện hoạt động TDXK

- Nghiệp vụ cho vay sau khi giao hàng, cho vay nhà NK
- Triển khai nghiệp vụ thanh toán quốc tế, đa dạng hoá cho vay người bán và đẩy mạnh cho vay người mua
- Bảo lãnh TDXK. Bảo hiểm xuất khẩu...

3.3.1.4. Thực hiện công tác thanh toán trực tiếp với khách hàng và các ngân hàng trên toàn quốc

3.3.1.5. Áp dụng các thông lệ quốc tế trong lĩnh vực TDXK của Nhà nước

Nhằm tránh vi phạm các nguyên tắc cơ bản của WTO thông qua việc tuân thủ các quy định trong Hiệp định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng SCM, Thỏa thuận của OECD về TDXK

3.3.1.6. Tăng cường hoạt động trao đổi và hợp tác với các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế

Việc hợp tác và học tập kinh nghiệm của các Ngân hàng xuất nhập khẩu các nước là rất cần thiết, đặc biệt là với các tổ chức tài chính tín dụng có hoạt động tương đồng và hoạt động như một công cụ của Chính phủ trong việc thực hiện chính sách TDXK (ECA) trong khu vực và trên thế giới.

3.3.2. Kiến nghị với UBND thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất: Đề nghị UBND thành phố có hướng hỗ trợ từ Quỹ Đầu tư phát triển của thành phố để giải quyết nhanh chóng dứt điểm nợ quá hạn, lành mạnh hoá tài chính của đơn vị vay vốn TDXK

Thứ hai: UBND thành phố cũng sớm đề xuất với Chính phủ bổ sung đối tượng vay vốn TDXK với những mặt hàng là thế mạnh xuất khẩu của thành phố.

Thứ ba: Cần thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển các ngành nghề có thế mạnh và tiềm năng xuất khẩu của thành phố

Thứ tư: Đẩy mạnh công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường... cho các doanh nghiệp xuất khẩu

KẾT LUẬN

Xuất phát từ việc khuyến khích, thúc đẩy xuất khẩu, TDXK của Nhà nước là một chính sách có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống chính sách kinh tế - tài chính của các quốc gia trên thế giới hiện nay. Chính phủ của hầu hết các nước đều coi trọng chính sách TDXK. TDXK của Nhà nước được sử dụng như một biện pháp hữu hiệu trong tay Chính phủ để thúc đẩy XK phát triển lâu dài và bền vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động TDXK của Nhà nước thực hiện tại NHPT trong thời gian qua cũng không tránh khỏi những hạn chế xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Yêu cầu về thúc đẩy hoạt động TDXK của Nhà nước tại Việt Nam đang ngày càng trở nên cấp thiết.

Chi nhánh Đà Nẵng là một đơn vị trực thuộc, vì thế vấn đề đặt ra đối với Chi nhánh là làm sao để nghiệp vụ này ngày càng mở rộng góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành nói chung và của thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Qua quá trình nghiên cứu về lý luận cũng như thực tế tại Chi nhánh Đà Nẵng, tác giả đã trình bày trong bản luận văn những nội dung cơ bản sau:

1. Hệ thống hoá những vấn đề cơ bản về TDXK. Phân tích sự cần thiết của TDXK đối với sự phát triển của nền kinh tế nói chung và hoạt động xuất khẩu nói riêng.

2. Phân tích thực trạng hoạt động TDXK của Chi nhánh Đà Nẵng. Đánh giá những thành công, hạn chế và đã chỉ ra những nguyên nhân để tìm giải pháp khắc phục.

3. Bằng phương pháp thống kê, so sánh tiềm năng xuất khẩu của thành phố Đà Nẵng, xu hướng phát triển của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Luận văn đã chỉ ra được những điều kiện thuận lợi để Chi nhánh Đà Nẵng có thể hoàn thiện hoạt động TDXK trên địa bàn.

4. Luận văn đã đưa ra các giải pháp giải quyết định hướng, đồng thời cũng đề xuất những kiến nghị đối với ngành, với UBND thành phố Đà Nẵng để thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động TDXK tại NHPT Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu tài liệu và vận dụng lý thuyết vào tình huống cụ thể, nhưng do khả năng của bản thân và thời gian có hạn nên trong quá trình thực hiện, luận văn vẫn còn nhiều thiếu sót. Rất mong được sự quan tâm, góp ý và giúp đỡ của các thầy cô giáo trong Hội đồng để luận văn được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo đã tham gia giảng dạy khóa học, đặc biệt là các thầy cô giáo khoa Tài chính - Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng. Em cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Lãnh đạo NHPT Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng, thầy giáo TS. Nguyễn Hòa Nhân, người đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành luận văn này.